TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Thu
Ông Nguyễn Đức Cường
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2017/TLST- HNGĐ ngày 15/11/2017 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Đức T, sinh năm 1984
Cư trú tại: Thôn 05, xã Y, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989
Cư trú tại: Thôn 05, xã Y, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
Anh T và chị H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Lê Đức T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y ngày 30/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở nhờ tại nhà cũ bố mẹ anh. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh nhiều lần thấy chị H đi chơi với người khác, sau khi hết giờ làm chị H đi chơi không về nhà. Tuy không có chứng cứ nhưng anh tin là chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không nghe, không thừa nhận

việc ngoại tình nên vợ chồng thường hay cãi nhau. Đỉnh điểm mâu thuẫn là tháng 9/2017, anh đưa chị H và cháu Linh về ở nhà bố mẹ vợ tại xã TS. Từ khi ly thân đến nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Trong bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H xác nhận thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống. Theo chị nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T ghen tuông, nghi ngờ vô cớ. Khi đi làm chị có tham gia các buổi đi chơi, sinh nhật với bạn bè. Anh T thấy chị về muộn nên nghi ngờ, chị khẳng định không có việc quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Chị đã giải thích nhưng anh T vẫn không tin nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ thàng 9/2017, vợ chồng đã ly thân không quan tâm đến nhau. Đến nay chị cũng xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được và nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Đức L, sinh ngày 01/01/2010. Hiện nay cháu L đang ở với chị H. Sau ly hôn, anh T và chị H đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Anh T và chị H đều xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

- Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh T và chị H được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Lê Đức L, sinh ngày 01/01/2010. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T và chị H không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T nghi ngờ chị H có quan ngoại tình, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Từ tháng 9/2017 đến

nay vợ chồng đã sống ly thân không có trách nhiệm với nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Đến nay anh T và chị H đều nhất trí ly hôn, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Lê Đức L, sinh ngày 01/01/2010. Sau ly hôn, cả hai đều yêu cầu nuôi dưỡng. Xét về điều kiện nuôi con, anh T và chị H đều đang đi làm, có thu nhập có chỗ ở, nên cả hai được coi là có điều kiện nuôi con như nhau. Tuy nhiên hiện cháu L đang ở với chị H, cháu đang được chăm sóc nuôi dưỡng và học tập ổn định, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với mẹ. Do vậy, sau khi ly hôn sẽ giao cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về công sức đóng góp: Hai bên đều xác nhận không có nên không phải giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Đức T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đức L, sinh ngày 01/01/2010. Anh Lê Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Anh T có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4. Về công sức đóng góp: Không có

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2016/0004340 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T và chị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Y;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Vũ Thường